

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất do thực hiện chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn về điều kiện, hồ sơ, thủ tục, quy trình hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thông qua các ngân hàng thương mại để thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

2. Đối tượng áp dụng:

2.1 Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là ngân hàng thương mại) thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2.2 Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Hình thức thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Ngân hàng thương mại cho vay thực hiện việc hỗ trợ lãi suất hoặc hỗ trợ phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn thuộc đối tượng quy định tại Điều 1, Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vốn vay thương mại hoặc cấp bù phần chênh lệch giữa lãi suất thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước cho ngân hàng thương mại thực hiện cho vay theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Điều kiện được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Các ngân hàng thương mại tổ chức thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Các khoản vay được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất là các khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

2.1 Các khoản vay đúng đối tượng, đúng mục tiêu và đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

2.2 Các khoản vay trả nợ trong hạn tại thời điểm hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất; không thực hiện hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

2.3 Các khoản vay đã ký hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng thương mại từ ngày Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành đến trước ngày 31/12/2020.

Điều 4. Mức hỗ trợ, cấp bù và nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Mức hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

1.1 Các khoản vay để mua các loại máy móc, thiết bị quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% lãi suất trong 02 năm đầu, 50% lãi suất trong năm thứ ba. Thời điểm hỗ trợ lãi suất đối với từng khoản vay được tính từ ngày giải ngân.

1.2 Các khoản vay để thực hiện các dự án đầu tư dây chuyền máy, thiết bị; các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch giữa lãi suất cho vay thương mại của các ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước. Thời điểm cấp bù chênh lệch lãi suất đối với từng khoản vay được tính từ ngày giải ngân.

Thời gian được nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất bằng thời hạn cho vay quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg, tối đa không quá 12 năm.

1.3 Mức lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại làm cơ sở để ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất là mức lãi suất cho vay thấp nhất của ngân hàng thương mại có hoạt động cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg được áp dụng cho vay cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ được ngân hàng thương mại niêm yết công khai tại các điểm giao dịch.

1.4 Mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước làm căn cứ cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg là mức lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước công bố áp dụng cho từng thời kỳ.

2. Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp được bố trí trong dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất cho vay tín dụng ưu đãi (vốn đầu tư phát triển) của ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn và cấp bù chênh lệch lãi suất

1. Lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất:

Hàng năm, chậm nhất vào ngày 31/7, các ngân hàng thương mại căn cứ dự kiến dư nợ cho vay để mua máy móc, thiết bị, đầu tư dây chuyền máy, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp của năm sau để xây dựng kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất cho năm kế hoạch (có chia ra từng quý) gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Riêng năm 2014, muộn nhất sau 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các ngân hàng thương mại có trách nhiệm lập và gửi kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất cho Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính bố trí dự toán chi cấp bù chênh lệch lãi suất của ngân sách trung ương để cấp bù cho các ngân hàng thương mại cho vay thực hiện chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2. Việc lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất và cấp bù chênh lệch lãi suất năm được thực hiện theo công thức sau đây:

2.1 Đối với lãi suất vay vốn được hỗ trợ:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ} \\ \text{trợ kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ trợ} \\ \text{của dư nợ cũ đã phát} \\ \text{sinh (nêu tại Tiết a} \\ \text{Điểm này)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ} \\ \text{trợ dự kiến phát sinh} \\ \text{trong năm kế hoạch} \\ \text{(nêu tại Tiết b Điểm} \\ \text{này)} \end{array}$$

a) Đối với những dư nợ cũ đã phát sinh (bao gồm cả số ước thực hiện đến 31/12 của năm trước năm kế hoạch):

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ trợ} \\ \text{của dư nợ cũ đã phát} \\ \text{sinh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay bình} \\ \text{quân} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức lãi suất hỗ trợ} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân được ngân hàng thương mại tính toán trên cơ sở bình quân số dư nợ đã thực hiện cho vay.

- Mức lãi suất hỗ trợ bình quân bằng 100% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong 2 năm đầu, bằng 50% lãi suất cho vay bình quân của

ngân hàng thương mại trong năm thứ ba được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

b) Đối với những dư nợ sẽ phát sinh trong năm kế hoạch:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi được hỗ trợ} \\ \text{dự kiến phát sinh} \\ \text{trong năm kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay bình} \\ \text{quân dự kiến của năm} \\ \text{được hỗ trợ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức lãi suất hỗ trợ} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được hỗ trợ được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm kế hoạch và dư nợ cuối năm kế hoạch.

- Mức lãi suất hỗ trợ bình quân bằng 100% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong 2 năm đầu, bằng 50% lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại trong năm thứ ba được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

2.2 Đối với lãi suất vay vốn được cấp bù:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh} \\ \text{lệch được cấp bù} \\ \text{kế hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù của dư nợ} \\ \text{cũ đã phát sinh (nêu} \\ \text{tại Tiết a Điểm này)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù dự kiến} \\ \text{phát sinh trong năm kế} \\ \text{hoạch (nêu tại Tiết b} \\ \text{Điểm này)} \end{array}$$

a) Đối với những dư nợ cũ đã phát sinh (bao gồm cả số ước thực hiện đến 31/12 của năm trước năm kế hoạch):

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù của dư} \\ \text{nợ cũ đã phát sinh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ đã cho vay bình} \\ \text{quân được cấp bù} \\ \text{chênh lệch lãi suất} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức chênh lệch lãi} \\ \text{suất cấp bù bình} \\ \text{quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ đã cho vay bình quân được cấp bù chênh lệch lãi suất được ngân hàng thương mại tính toán trên cơ sở bình quân số dư nợ đã thực hiện cho vay.

- Mức chênh lệch lãi suất cấp bù bình quân là chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân của ngân hàng thương mại và lãi suất tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, được tính theo công thức bình quân số học giữa mức chênh lệch lãi suất cấp bù đầu năm và cuối năm.

b) Đối với những dư nợ ước sẽ phát sinh trong năm kế hoạch:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền lãi chênh lệch} \\ \text{được cấp bù dự kiến} \\ \text{phát sinh trong năm kế} \\ \text{hoạch} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Dư nợ cho vay bình} \\ \text{quân dự kiến của năm} \\ \text{được cấp bù} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức chênh lệch lãi} \\ \text{suất cấp bù bình quân} \end{array}$$

Trong đó:

- Dư nợ cho vay bình quân dự kiến của năm được cấp bù được tính theo công thức bình quân số học giữa dư nợ đầu năm kế hoạch và dư nợ cuối năm kế hoạch.